TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2023
V/v "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Tài;

2. Bà Đặng Ngọc Thu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp "*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà B, Tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị Ánh N**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà F, đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà Võ Thị Ánh N có thời gian tìm hiểu quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2018 đến đầu năm 2022, không có đăng ký kết hôn. Từ đầu năm 2022 đến nay không sống chung. Nguyên nhân do ông T và bà N bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường hay cự cãi, không ai quan tâm lẫn nhau và mỗi người có cuộc sống riêng. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung được nữa, ông đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Võ Thị Ánh N;

- Về con chung: Ông T và bà N sống chung không có con;

- Về tài sản chung: Ông, bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Ông, bà không có nợ ai.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bà Võ Thị Ánh N đã nhận được các tài liệu chứng cứ ông T gửi qua đường bưu điện và không có ý kiến gì về tài liệu, chứng cứ ông T giao nộp. Về quan hệ hôn nhân: Bà N1 đồng ý với yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T vì hiện tại ông, bà mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm lẫn nhau. Về con chung: Ông, bà không có con chung; về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông, bà không có nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đề nghị xét xử vắng mặt do bận công việc và bảo lưu các ý kiến đã trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N1 có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm thuê không xin vắng được, bà xin bảo lưu ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của ông T.

Đương sự cũng không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Võ Thị Ánh N. Vì vậy, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Bị đơn bà Võ Thị Ánh N có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố V nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua quá trình giải quyết vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Võ Thị Ánh N trình bày có cùng ý kiến với ông T về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Ông T và bà N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông T và bà N có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian sống chung, ông T và bà N xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm không còn. Ông, bà không còn sống chung từ đầu năm 2022 đến nay, quan hệ hôn nhân không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng. Xét thấy, ông T yêu cầu và bà N đồng ý là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các Điều 14, 53, 55 Luật

Hôn nhân và gia đình ghi nhận yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T;

[2.2] Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết;

[2.3] Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết;

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51, 53, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Ánh N;

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết;

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết;

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số N^{0} 0002148 ngày 13/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến